



Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

MỤC LỤC

NỘI DUNG

02 - 04 BẢO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

05 - 07 BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BẢO CÁO TẠI CHỖ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

08 - 13 Báo cáo tình hình tài chính

14 - 16 Báo cáo kết quả hoạt động

17 - 20 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

21 Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

22 - 55 Bản thuyết minh báo cáo tài chính

TRANG

TP. HỒ CHÍ MINH
KIỂM TOÁN
BỘ VỐN
CỘNG HÒA
213

- Quyết định số 30/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 23 tháng 6 năm 2015 về việc thay đổi trụ sở chính;
- Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 07 năm 2016 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Quyết định số 462/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06 tháng 08 năm 2013 về việc thay đổi tên và địa chỉ chi nhánh;
- Quyết định số 08/2013/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 09 năm 2013 về việc chấm dứt tư cách Thành viên giao dịch của Công ty từ ngày 20 tháng 09 năm 2013;
- Quyết định số 464/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 20 tháng 09 năm 2013 về việc chấm dứt tư cách Thành viên giao dịch của Công ty từ ngày 20 tháng 09 năm 2013;
- Giấy chứng nhận Thành viên lưu ký số 112/GCNTVLK do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chứng nhận lần đầu ngày 10 tháng 09 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 20 tháng 09 năm 2017;
- Quyết định số 33/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06 tháng 08 năm 2013 về việc thay đổi trụ sở chính;
- Quyết định số 31/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 07 năm 2013 về việc thay đổi người đại diện pháp luật;
- Quyết định số 487/SGDHN-QLTV ngày 22 tháng 04 năm 2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ngừng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 02 tháng 05 năm 2013;
- Quyết định số 581/2013/SGDHCM-TV ngày 16 tháng 04 năm 2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc ngừng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh từ ngày 02 tháng 05 năm 2013;
- Quyết định số 622/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 24 tháng 08 năm 2011 về việc thay đổi địa chỉ chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 185/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 02 năm 2011 về việc thay đổi người đứng đầu chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 367/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 621/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 03 tháng 08 năm 2010 về việc thành lập chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 325/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 25 tháng 05 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 309/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 10 tháng 03 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 316/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 20 tháng 04 năm 2010 về việc thay đổi tên Công ty;
- Quyết định số 304/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 03 tháng 03 năm 2010 về việc thay đổi vốn góp giữa các cổ đông sáng lập;

điều chỉnh như sau:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Viettranimex) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 104/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 02 năm 2009. Trong quá trình hoạt động Công ty đã nhận được các quyết định bổ sung,

Khai quát

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đã được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

384
3 TV
KHO
TV V
K B 7
170/
VIET
HOC

BẢO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- > Giấy phép điều chỉnh số 38/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2016 về việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- > Quyết định số 1243/QĐ - UBCK ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc thay đổi người đứng đầu chi nhánh tại thành phố Hà Nội;
- > Giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC - UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 09 năm 2017 về việc thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật.
- > Quyết định số 704/QĐ - UBCK ngày 28 tháng 07 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp của Công ty chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính; Lưu ký chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Tư doanh chứng khoán.
 Vốn điều lệ: 250.000.000.000 đồng.
 Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 2, Tòa nhà Him Lam, Số 234 Ngõ Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.
 Chi nhánh Hà Nội tại: Tầng 23, Tòa nhà Thủ Đô, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Các sự kiện sau đây là ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính
 Không có sự kiện trong yêu cầu xây ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính năm 2018.
 Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm 2018 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Bích Hồng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thanh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Huỳnh	Thành viên
Ông Lâm Việt Sơn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Văn Phát	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

Ban Kiểm soát

Bà Lê Phương Thanh	Trưởng ban
Bà Trần Thị Hồng	Thành viên
Ông Trần Trung	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Bích Hồng
 Chủ tịch HĐQT

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố tách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phân ánh trung thực, hợp lý và được Hội đồng Quản trị phê duyệt. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

BẢO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 08 đến trang 55 và cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, tình hình thu nhập toàn diện và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Nguyễn Thị Bích Hồng
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tp. HCM, ngày 07 tháng 03 năm 2019





Số : 49/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:
Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt, được lập ngày 07 tháng 03 năm 2019, từ trang 08 đến trang 55, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn và đã được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kết quả của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phân ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

- Như tại thuyết minh số A.5.3.4 trang 35, 36, 37 thì khoản đầu tư cổ phiếu "Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng" (Cotec Group) trị giá 32.500.000.000 đồng và cổ phiếu "Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Coecco" (Coecco) trị giá 2.880.000.000 đồng. Số tiền này đang được ghi nhận là tài sản tài chính sẵn sàng để bán trên Báo cáo tình hình tài chính và chưa được đánh giá lại do không có giá tham chiếu đang tin cậy tại thời điểm đầu năm và cuối năm. Chúng tôi cũng không thể thu thập được các tài liệu hay thông tin để có thể xác định được giá trị danh giá lại của khoản đầu tư này do



vậy không thể danh gia được ảnh hưởng của việc này tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

- Theo thuyết minh số C.5.6 trang 53, 54, 55 thì khoản đầu tư cổ phiếu "Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng" (Cotec Group) có liên quan đến vụ kiện ông Hoàng Xuân Quyền (nguyên Tổng Giám đốc Công ty) về việc ông Quyền đã vượt thẩm quyền khi ký kết các hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên. Tổng số tiền ông Quyền và các cá nhân có liên quan phải trả cho Công ty là 32.500.000,000 đồng và tiền lãi ước tính là 8.158.381.944 đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, ông Quyền và các cá nhân có liên quan đã tự nguyện nộp vào Công ty số tiền 2.336.000,000 đồng để tạm thời khác phục hậu quả phát sinh. Công ty đã tiến hành bán đầu tư cổ phiếu đầu tư của Công ty Cổ phần Ban Đầu Gia Nhân Văn, phiên bản đầu giá tài sản thứ 9 vào ngày 10 tháng 09 năm 2014 đã không thành công. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa phát sinh thêm phiên bản đầu giá nào nữa. Ngày 12 tháng 02 năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án và ra bản án số 69/2015/HSSST cùng ngày với nội dung như sau: "bước ông Hoàng Xuân Quyền bồi thường số tiền 4.992.094.591 đồng cho Công ty (đây là phần thiệt hại vật chất được tính bằng tổng tiền lãi phải trả cho khoản tiền Công ty vay để thực hiện 3 hợp đồng nêu trên), được trừ 2.336.000,000 đồng đã nộp khác phục, và bước ông Nguyễn Hoàng Bách (người liên đới trong vụ án) chuyển trả cho Công ty số tiền 2.499.450,000 đồng. Số tiền 32.500.000,000 đồng Công ty đã bỏ ra để mua 3.000,000 cổ phiếu Cotec Group xem như là khoản đầu tư gốc của Công ty". Công ty đã làm đơn kháng cáo số 18/2015/CV-LVS ngày 24 tháng 02 năm 2015 gửi tòa án nhân dân thành phố Hà Nội kháng cáo về giá trị bồi thường của ông Quyền. Ngày 03 tháng 10 năm 2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung. Ngày 10 tháng 11 năm 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội gửi công văn số 7208/PC46-D9 đề nghị cung cấp tài liệu và thông tin liên quan vụ án Hoàng Xuân Quyền. Công ty đã có công văn số 159/2017/LVS ngày 15 tháng 12 năm 2017 phúc đáp và cung cấp các tài liệu liên quan theo yêu cầu của cơ quan Cảnh sát điều tra. Ngày 29 tháng 12 năm 2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội đã ra thông báo số 253/PC46(D9) về việc kết luận điều tra vụ án và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội để nghị truy tố bị can Hoàng Xuân Quyền về tội: Sử dụng tài phép tài sản, theo điều 142 Bộ Luật Hình Sự. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 vụ án vẫn chưa được xét xử lại. Do vậy việc vẫn đang trong quá trình xét xử và chưa có quyết định cuối cùng từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan nên chúng tôi không danh gia được tình hình hợp lý của khoản đầu tư này cũng như ảnh hưởng có liên quan đến kết quả kinh doanh của Công ty chưa được ghi nhận (nếu có).

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán lập ký ngày 15/03/2018 đã đưa ra ý kiến của kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần. Với vấn đề nhân mạnh như sau:

- Khoản đầu tư cổ phiếu "Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng" (Cotec Group) trị giá 32.500.000,000 đồng và cổ phiếu "Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Coecco" (Coecco) trị giá 2.880.000,000 đồng. Số tiền này đang được ghi nhận là tài sản tài chính sẵn sàng để bán trên Báo cáo tài chính tài chính và chưa được trích lập dự phòng do không có giá tham chiếu đáng tin cậy (xem Thuyết minh số 8 Bản thuyết minh báo cáo tài chính). Chúng tôi cũng không thể thu thập được các tài liệu hay thông tin để có thể xác định được giá trị cần trích lập dự phòng của khoản đầu tư này do vậy không thể danh gia được ảnh hưởng của việc này tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

- Khoản đầu tư cổ phiếu "Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng" (Cotec Group) có liên quan đến vụ kiện ông Hoàng Xuân Quyền (nguyên Tổng Giám đốc Công ty) về việc ông Quyền đã vượt thẩm quyền khi ký kết các hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên. Tổng số tiền ông Quyền và các cá nhân có liên quan phải trả cho Công ty là 32.500.000,000 đồng và tiền lãi ước tính là 8.158.381.944 đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, ông Quyền và các cá nhân có liên quan đã tự nguyện nộp vào Công ty số tiền 2.336.000,000 đồng để tạm thời khác phục hậu quả phát sinh.

3052
KTCN
DICH
I CH
VA R
VA R
T.N

quả. Được sự đồng ý của các cơ quan chức năng, Công ty đã tiến hành bán đấu giá khoản đầu tư cổ phiếu nêu trên để thu hồi tài sản và ước tính thặng dư. Theo thông báo của Công ty Cổ phần Bản Đầu Già Nhân Văn, phiên bán đấu giá tài sản thứ 9 vào ngày 10 tháng 09 năm 2014 đã không thành công. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa phát sinh thêm phiên bán đấu giá nào nữa. Ngày 12 tháng 02 năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án và ra bản án số 69/2015/HSSST cùng ngày với nội dung như sau: "buộc ông Hoàng Xuân Quyền bồi thường số tiền 4.992.094.591 đồng cho Công ty (đây là phần thiệt hại vật chất được tính bằng tổng tiền lãi phải trả cho khoản tiền Công ty vay để thực hiện 3 hợp đồng nêu trên), được trừ 2.336.000.000 đồng đã nộp khác phục, và buộc ông Nguyễn Hoàng Bách (người liên đới trong vụ án) chuyển trả cho Công ty số tiền 2.499.450.000 đồng. Số tiền 32.500.000.000 đồng Công ty đã bỏ ra để mua 3.000.000 cổ phiếu Cotec Group xem như là khoản đầu tư gốc của Công ty". Công ty đã làm đơn kháng cáo về giá 18/2015/CV-LVS ngày 24 tháng 02 năm 2015 gửi tòa án nhân dân thành phố Hà Nội kháng cáo về giá trị bồi thường của ông Quyền. Ngày 03 tháng 10 năm 2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án và đã ra bản án số 573/2016/HSPST với nội dung: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 69/2015/HSSST ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung. Ngày 10 tháng 11 năm 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội gửi công văn số 7208/PC46-B9 để nghị cung cấp tài liệu và thông tin liên quan vụ án Hoàng Xuân Quyền. Công ty đã có công văn số 159/2017/LVS ngày 15 tháng 12 năm 2017 phúc đáp và cung cấp các tài liệu liên quan theo yêu cầu của cơ quan Cảnh sát điều tra. Ngày 29 tháng 12 năm 2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội đã ra thông báo số 253/PC46(B9) về việc kết luận điều tra vụ án và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội để nghị truy tố bị can Hoàng Xuân Quyền về tội: Sử dụng trái phép tài sản, theo điều 142 Bộ Luật Hình Sự. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 vụ án vẫn chưa được xét xử lại.

Do vụ việc vẫn đang trong quá trình xét xử và chưa có quyết định cuối cùng từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan nên chúng tôi không danh giá được tính hợp lý của khoản đầu tư này cũng như ảnh hưởng có liên quan đến kết quả kinh doanh của Công ty chưa được ghi nhận (nếu có).

- Công ty chưa áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với các báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 cho các khoản mục tài sản và nợ phải trả do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc ghi nhận và danh giá lại theo giá trị hợp lý, phương pháp kế toán ghi nhận và danh giá lại theo giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)



Kiểm toán viên

(Handwritten signature)

Cao Thị Hồng Nga
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0613-2018-152-1
Tp. HCM, ngày 07 tháng 03 năm 2019

Lê Hồng Đào
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1732-2018-152-1

CÔNG TY
KIỂM TOÁN
NH KẾ T
NAM VIỆT
P. HỒ C

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẪN HẠN (100=110+130)	100		196.282.789.122	225.035.567.260
I. Tài sản tài chính	110		194.101.738.656	222.535.107.252
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	A.5.1	131.430.902.849	101.953.327.775
1.1. Tiền	111.1		1.753.600.041	7.408.744.442
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		129.677.302.808	94.544.583.333
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lãi (FVTPL)	112	A.5.3.1	5.819.680.000	10.577.177.000
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	A.5.3.3	22.302.657.315	36.634.416.666
4. Các khoản cho vay	114		-	-
5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	A.5.3.2	32.500.000.000	32.500.000.000
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		-	-
7. Các khoản phải thu	117		5.723.394.612	44.753.731.263
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		-	39.032.100.000
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		5.723.394.612	5.721.631.263
7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		3.944.819.444	3.944.819.444
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		1.778.575.168	1.776.811.819
8. Trả trước cho người bán	118		154.000.000	146.250.000
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	A.5.4.1	407.225.000	414.336.280
10. Phải thu nội bộ	120		-	-
11. Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	121		-	-
12. Các khoản phải thu khác	122	A.5.4.2	6.603.671.401	6.725.000.789
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	A.5.5	(10.839.792.521)	(11.169.132.521)
II. Tài sản ngân hàng khác	130		2.181.050.466	2.500.460.008
1. Tâm ứng	131		1.987.476.676	1.987.476.676
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		-	-
3. Chi phí trả trước ngân hàng	133	A.5.6	174.313.495	295.509.368
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngân hàng	134		18.200.000	18.200.000
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		-	199.273.964
6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136		1.060.295	-
7. Tài sản ngân hàng khác	137		-	-
8. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	138		-	-
9. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngân hàng khác	139		-	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
B. TÀI SẢN DÀI HẠN(200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		75.759.458.310	52.031.544.637
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		74.903.946.474	51.280.000.000
1. Các khoản phải thu dài hạn	211		-	-
2. Các khoản đầu tư	212		-	-
2.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1		-	-
2.2. Đầu tư vào công ty con	212.2		-	-
2.3. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	212.3		-	-
2.4. Đầu tư dài hạn khác	212.4	A.5.3.2	74.903.946.474	51.280.000.000
3. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213		-	-
II. Tài sản cố định	220		389.642.321	277.216.279
1. Tài sản cố định hữu hình	221	A.5.8	114.147.877	277.216.279
- Nguyên giá	222		6.189.260.090	6.189.260.090
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(6.075.112.213)	(5.912.043.811)
- Đánh giá TSCDHH theo giá trị hợp lý	223b		-	-
2. Tài sản cố định tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226a		-	-
- Đánh giá TSCDTTC theo giá trị hợp lý	226b		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	A.5.9	275.494.444	-
- Nguyên giá	228		15.382.690.564	15.069.690.564
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(15.107.196.120)	(15.069.690.564)
- Đánh giá TSCDVH theo giá trị hợp lý	229b		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232a		-	-
- Đánh giá BĐSĐT theo giá trị hợp lý	232b		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		465.869.515	474.328.358
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		16.553.790	16.553.790
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	A.5.6	20.377.633	28.819.976
3. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	253		-	-
4. Tiền nộp Quý Hồ trợ thanh toán	254	A.5.7	428.938.092	428.954.592
5. Tài sản dài hạn khác	255		-	-
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		272.042.247.432	277.067.111.897

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		7.104.859.347	8.114.096.113
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		7.061.883.371	8.073.120.137
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		-	-
1.1. Vay ngắn hạn	312		-	-
1.2. Nợ thuê tài chính ngắn hạn	313		-	-
2. Vay tài sản tài chính ngắn hạn	314		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn - Cầu phần nợ	315		-	-
4. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316		-	-
5. Vay Quy Hồ trợ thanh toán	317		-	-
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		-	-
7. Phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	319		-	-
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320		1.531.936	1.531.936
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	A.5.11	1.203.000.000	2.580.961.069
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322		1.587.640.065	1.462.209.136
11. Phải trả người lao động	323		774.030.262	882.643.095
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		-	-
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	A.5.10	253.274.650	276.123.971
14. Phải trả nội bộ ngắn hạn	326		-	-
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327	A.5.12	693.570.788	395.833.334
16. Nhân ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		-	-
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	A.5.13	2.499.014.544	2.423.996.470
18. Dự phòng phải trả ngắn hạn	330		-	-
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		49.821.126	49.821.126
20. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	332		-	-
II. Nợ phải trả dài hạn	340		42.975.976	40.975.976
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	341		-	-
1.1. Vay dài hạn	342		-	-
1.2. Nợ thuê tài chính dài hạn	343		-	-
2. Vay tài sản tài chính dài hạn	344		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi dài hạn - Cầu phần nợ	345		-	-
4. Trái phiếu phát hành dài hạn	346		-	-
5. Phải trả người bán dài hạn	347		-	-
6. Người mua trả tiền trước dài hạn	348		-	-
7. Chi phí phải trả dài hạn	349		-	-
8. Phải trả nội bộ dài hạn	350		-	-
9. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351		-	-
10. Nhân ký quỹ, ký cược dài hạn	352		42.975.976	40.975.976



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		264.937.388,085	268.953.015.784
1.1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	410	A.5.14	264.937.388,085	268.953.015.784
1.2. Dự phòng phải trả dài hạn	354		-	-
1.3. Dự phòng bởi thường thất hải cho NDT	355		-	-
1.4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356		-	-
1.5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	357		-	-
I. Vốn chủ sở hữu	410		264.937.388,085	268.953.015.784
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	A.5.14	250.000.000.000	250.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		250.000.000.000	250.000.000.000
a. Cổ phiếu ưu đãi	411.1b		-	-
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		-	-
1.3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cầu thành vốn	411.3		-	-
1.4. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		-	-
1.5. Cổ phiếu quỹ (*)	411.5		-	-
2. Chênh lệch danh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412	A.5.14	8.093.470.000	18.653.470.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	-
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414	A.5.14	366.429.178	39.210.563
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415	A.5.14	405.639.741	78.421.126
6. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		-	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	A.5.14	6.071.849.166	181.914.095
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		6.696.599.166	181.914.095
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(624.750.000)	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300+400)	440		272.042.247,432	277.067.111,897

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢO CẢO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT	001		-	-
1. Tài sản có định thuế ngoài	002		-	-
2. Chứng chỉ có giá nhân giữ hộ	003		-	-
3. Tài sản nhận thế chấp	004		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	005		-	-
5. Ngoại tệ các loại	006	25.000.000	-	-
6. Cổ phiếu đang lưu hành	007	-	-	-
7. Cổ phiếu quỹ	008	2.794.000.000	-	-
8. Tài sản tài chính niêm yết/dăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	009	-	-	-
9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	010	-	-	-
10. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	011	-	-	-
11. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của CTCK	012	88.880.000.000	54.880.000.000	-
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	013	-	-	-
13. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK				
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/dăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	771.674.990.000	771.745.930.000	-
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1	37.278.360.000	3.433.720.000	-
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2	-	-	-
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3	553.738.540.000	553.738.540.000	-
d. Tài sản tài chính phòng tỏa, tạm giữ	021.4	180.658.090.000	214.573.670.000	-
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5	-	-	-
f. Tài sản tài chính chờ cho vay	021.6	-	-	-
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	-	-	-
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1	-	-	-
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2	-	-	-
c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	022.3	-	-	-
d. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phòng tỏa, tạm giữ	022.4	-	-	-
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	-	-	2.600.000
4. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của Nhà đầu tư	024.a	-	-	-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢO CÁO TÌNH HÌNH TẠI CHỖ (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024.b		-	-
6. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025		-	-
7. Tiền gửi của khách hàng	026	592.798.805	826.793.371	539.835.001
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	581.372.545	539.835.001	286.958.370
7.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán	028	-	-	-
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch	029	-	-	-
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029.1	-	-	-
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	029.2	-	-	-
7.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	11.426.260	286.958.370	286.958.370
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	581.372.545	539.835.001	539.835.001
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1	581.372.545	539.835.001	539.835.001
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2	-	-	-
9. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	32	-	-	-
10. Phải thu của khách hàng về lỗi giao dịch	33	-	-	-
các tài sản tài chính	33	-	-	-
11. Phải trả của khách hàng về lỗi giao dịch	034	-	-	-
các tài sản tài chính	035	11.426.260	286.958.370	286.958.370
12 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu				

Người lập biên

Kế toán trưởng

Trần Hùng Nam

Trần Lan Hương

Tp. HCM, ngày 07 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Thị Bích Hồng



Chủ tịch Hội đồng quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG	01		17.975.422.460	11.572.453.100
1.1. Lãi từ các tài sản chính ghi nhận thông qua lãi/lãi (FVTPL)	01.1	B.5.1.1	17.586.922.460	11.572.453.100
a. Lãi bán các tài sản chính FVTPL	01.2		-	-
b. Chênh lệch tăng về danh giá lại các TSTC FVTPL	01.3	B.5.1.2	388.500.000	-
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	02	B.5.1.2	6.736.559.171	8.159.310.734
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	03		-	-
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	04	B.5.1.2	2.718.383.562	660.000.000
1.4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	05		-	-
1.5. Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	06		-	625.500.000
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	07		380.000.000	-
1.7. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	08		-	-
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	09		375.323.706	375.340.576
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	10		3.901.513.821	6.729.607.254
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	11		3.346.935.806	3.413.152.553
1.11. Thu nhập hoạt động khác	20	B.5.1.3	35.434.138.526	31.535.364.217
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	21		17.455.249.345	10.730.710.147
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lãi (FVTPL)	21.1	B.5.1.1	15.805.881.460	10.166.475.600
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.2		624.750.000	-
b. Chênh lệch giảm danh giá lại các TSTC FVTPL	21.3		1.024.617.885	564.234.547
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	22		-	-
2.2. Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	23		-	-
2.3. Lỗ và ghi nhận chênh lệch danh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	24		-	-
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tồn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài chính và chi phí di vay của các khoản cho vay	25		-	-
2.5. Lỗ từ các tài sản tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro	26		755.604.823	-
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh			-	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		359.421.061	282.073.672
2.8. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		-	-
2.9. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		-	-
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		371.747.676	384.166.209
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		1.274.682.964	2.351.093.698
2.12. Chi phí các dịch vụ khác khác	32		150.353.556	715.000
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 → 32)	40		20.367.059.425	13.748.758.726
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TẠI CHÍNH				
3.1. Chênh lệch lãi ty giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		-	-
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		587.364.976	96.928.316
3.3. Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	43		-	-
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	44		-	-
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 → 44)	50	B.5.2	587.364.976	96.928.316
IV. CHI PHÍ TẠI CHÍNH				
4.1. Chênh lệch lỗ ty giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		-	-
4.2. Chi phí lãi vay	52		-	-
4.3. Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	53		-	-
4.4. Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54		-	-
4.5. Chi phí tài chính khác	55		-	-
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 → 55)	60		-	-
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	B.5.3	7.679.146.354	5.894.772.468
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 61 - 62)	70		7.975.297.723	11.988.761.339
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71	B.5.4	127.887.000	3.545.817.889
8.2. Chi phí khác	72	B.5.5	139.777.033	-
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		(11.890.033)	3.545.817.889



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN	90		7.963.407.690	15.534.579.228
TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	91		8.588.157.690	15.534.579.228
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		8.588.157.690	15.534.579.228
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(624.750.000)	-
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		1.419.035.389	1.386.165.852
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	B.5.6	1.419.035.389	1.386.165.852
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	B.5.6	-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		6.544.372.301	14.148.413.376
XII. THU NHẬP (LỢ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		8.093.470.000	18.653.470.000
12.1. Lãi/(Lỗ) từ danh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301		8.093.470.000	18.653.470.000
12.2. Lãi/(Lỗ) chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài	302		-	-
12.3. Lãi, lỗ danh giá lại tài sản cố định theo mô hình giá trị hợp lý	303		-	-
12.4. Lãi, lỗ danh toàn diện khác	304		-	-
Tổng thu nhập toàn diện	400		8.093.470.000	18.653.470.000
XIII. THU NHẬP TRÊN CỐ PHIẾU THÔNG	500			
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	B.5.7	262	566
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502	B.5.7	262	566

Người lập biên

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Thị Bích Hồng

Trần Lan Hương

Trần Hùng Nam

Tp. HCM, ngày 07 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01		(296.435.786.000)	(655.553.796.221)
1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	02		357.171.674.000	684.843.200.813
2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	03		-	-
3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	04		-	-
4. Cổ tức đã nhận	05		6.907.487.841	9.746.372.371
5. Tiền lãi đã thu	06		-	-
6. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	07		(825.086.858)	(2.212.697.532)
7. Tiền chi trả Tờ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	08		(6.980.605.387)	(4.397.357.498)
8. Tiền chi trả cho người lao động	09		(2.396.556.132)	(2.722.393.601)
9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	10		(36.493.849.476)	(505.686.397)
10. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các tài sản tài chính	11		18.199.753.690	96.440.639.064
11. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	12		(12.257.956.604)	(92.090.309.977)
12. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	20		26.889.075.074	33.547.971.022
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	21		-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BDSĐT và các tài sản khác	22		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BDSĐT và các tài sản khác	23		-	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư khác	24		-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư khác	25		2.588.500.000	1.980.000.000
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	30		2.588.500.000	1.980.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư				
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	31		-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhân vốn góp của chủ sở hữu	32		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành				

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

(Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
3. Tiền vay gốc	33		206.575.560.223	2.496.365.077
3.1. Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	33.1		-	-
3.2. Tiền vay khác	33.2		206.575.560.223	2.496.365.077
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(206.575.560.223)	(2.496.365.077)
4.1. Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	34.1		-	-
4.2. Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính	34.2		-	-
4.3. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	34.3		(206.575.560.223)	(2.496.365.077)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Có tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	50		29.477.575.074	35.527.971.022
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		101.953.327.775	66.425.356.753
- Tiền	61		7.408.744.442	10.075.356.753
- Các khoản tương đương tiền	62		94.544.583.333	56.350.000.000
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	63		-	-
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70		131.430.902.849	101.953.327.775
- Tiền	71		1.753.600.041	7.408.744.442
- Các khoản tương đương tiền	72		129.677.302.808	94.544.583.333
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	73		-	-

BẢO CẢO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2018

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng	01		-	-
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		-	-
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	03		-	-
3. Tiền thu bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	04		-	-
4. Tiền chi mua chứng khoán ủy thác của khách hàng	05		-	-
5. Thu vay Quý Hồ trợ thanh toán	06		-	-
6. Chi trả vay Quý Hồ trợ thanh toán	07		390.316.905	347.004.509
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		-	-
8. Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	09	(375.323.706)	(375.962.210)	-
9. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	10		-	-
10. Thu lãi giao dịch chứng khoán	11		-	-
11. Chi lãi giao dịch chứng khoán	12		413.698.991.545	258.165.230.790
12. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	13	(413.947.979.310)	(274.254.913.095)	-
13. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	20	(233.994.566)	(16.118.640.006)	-
II. Tiền và các khoản tương đương tiền	30		826.793.371	16.945.433.377
đầu kỳ của khách hàng	31		826.793.371	16.945.433.377
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	32		539.835.001	562.782.437
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	33		-	-
Trong đó có kỳ hạn:	34		-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	35		286.958.370	16.382.650.940
- Tiền gửi của tổ chức phát hành			-	-
Trong đó có kỳ hạn			-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2018

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, UY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Các khoản tương đương tiền	36	-	-	-
Quy đổi ngoại tệ	37	-	-	-
III. Tiền và các khoản tương đương tiền	40	592.798.805	826.793.371	826.793.371
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41	592.798.805	826.793.371	826.793.371
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK	42	581.372.545	539.835.001	-
Trong đó có kỳ hạn quản lý	43	-	-	-
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	44	-	-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	45	11.426.260	286.958.370	-
Trong đó có kỳ hạn	46	-	-	-
Các khoản tương đương tiền	47	-	-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ				

Đơn vị tính: VND

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Signature)

(Signature)

(Signature)


Trần Hùng Nam

Trần Lan Hương

Nguyễn Thị Bích Hồng

Tp. HCM, ngày 07 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Giảm	Tăng	Năm nay	Năm trước	Năm nay
	01/01/2017	01/01/2018	Tăng			Giảm	31/12/2017	31/12/2018
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-	-	-	250.000.000.000	250.000.000.000
2. Quỹ dự trữ vốn điều lệ	39.210.563	39.210.563	-	-	327.218.615	-	39.210.563	366.429.178
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	78.4521.126	78.421.126	-	-	327.218.615	-	78.421.126	405.639.741
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	-	18.653.470.000	18.653.470.000	-	-	-	18.653.470.000	8.093.470.000
5. Lợi nhuận chưa phân phối	(13.966.499.281)	181.914.095	14.148.413.376	-	7.169.122.301	1.279.187.230	181.914.095	6.071.849.166
5.1. Lợi nhuận đã thực hiện	(13.966.499.281)	181.914.095	14.148.413.376	-	7.169.122.301	654.437.230	181.914.095	6.696.599.166
5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	-	-	-	-	-	624.750.000	-	(624.750.000)
Cộng	236.151.132.408	268.953.015.784	32.801.883.376	-	7.823.559.531	11.839.187.230	268.953.015.784	264.937.388.085

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



[Handwritten signature]

Trần Hùng Nam

Trần Lan Hương

Nguyễn Thị Bích Hồng

Tp. HCM, ngày 07 tháng 03 năm 2019



BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TẠI CHÍNH
Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietranimex) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 104/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 02 năm 2009. Trong quá trình hoạt động Công ty đã nhận được các quyết định bổ sung, điều chỉnh như sau:

- Quyết định số 304/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 03 tháng 03 năm 2010 về việc thay đổi vốn góp giữa các cổ đông sáng lập;
- Quyết định số 316/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 20 tháng 04 năm 2010 về việc đổi tên Công ty;
- Quyết định số 309/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 10 tháng 03 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 325/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 25 tháng 05 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 621/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 03 tháng 08 năm 2010 về việc thành lập chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 367/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 185/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 02 năm 2011 về việc thay đổi người đứng đầu chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 622/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 24 tháng 08 năm 2011 về việc thay đổi địa chỉ chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Công văn số 581/2013/SGDHCM-TV ngày 16 tháng 04 năm 2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh về việc ngừng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh từ ngày 02 tháng 05 năm 2013;
- Công văn số 487/SGDHCM-QLTV ngày 22 tháng 04 năm 2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ngừng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 02 tháng 05 năm 2013;
- Quyết định số 31/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 07 năm 2013 về việc thay đổi người đại diện pháp luật;
- Quyết định số 33/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06 tháng 08 năm 2013 về việc thay đổi tên và địa chỉ chi nhánh;
- Quyết định số 08/2013/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 09 năm 2013 về việc chấm dứt tư cách Thành viên giao dịch của Công ty
- Quyết định số 464/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 20 tháng 09 năm 2013 về việc chấm dứt tư cách Thành viên giao dịch của Công ty từ ngày 20 tháng 09 năm 2013;
- Giấy chứng nhận Thành viên lưu ký số 112/GCNTVLK do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chứng nhận lần đầu ngày 10 tháng 09 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 20 tháng 09 năm 2017;
- Quyết định số 30/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 23 tháng 6 năm 2015 về việc thay đổi trụ sở chính;

05/10/2018 10:41 AM

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- > Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 07 năm 2016 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty;
- > Giấy phép điều chỉnh số 38/ GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2016 về việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- > Quyết định số 1243/QĐ - UBCK ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc thay đổi người đứng đầu chi nhánh tại thành phố Hà Nội;
- > Giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC - UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 09 năm 2017 về việc thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật.
- > Quyết định số 704/QĐ – UBCK ngày 28 tháng 07 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp của Công ty chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 2, Tòa nhà Him Lam, Số 234 Ngõ Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM.
Chi nhánh Hà Nội tại Tầng 23, Tòa nhà Thủ Đức, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành tháng 10 năm 2009 sửa đổi bổ sung ngày 25 tháng 07 năm 2016 và sửa đổi bổ sung ngày 23 tháng 08 năm 2017.

Nhưng đặc điểm chính về hoạt động:
- Quy mô vốn: Vốn điều lệ của công ty là 250.000.000.000 đồng
- Mục tiêu đầu tư: Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán; thực hiện đầu tư chứng khoán; tư vấn tài chính doanh nghiệp; thực hiện các dịch vụ khác có liên quan đến lĩnh vực chứng khoán; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước; tạo tích lũy cho Công ty nhằm phát triển kinh doanh ngày càng lớn mạnh.
- Cầu trúc Công ty chứng khoán: Công ty không có công ty con, liên doanh, liên kết. Công ty có Chi nhánh Hà Nội trực thuộc hạch toán phụ thuộc tại thời điểm 31/12/2018.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.
1.3. Ngành nghề kinh doanh
Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính; Lưu ký chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Tự doanh chứng khoán.

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán công ty chứng khoán hiện hành đang áp dụng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

III. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán; Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Thực hiện kế toán công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy tính.

IV. CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210/2014/TT-BTC") và Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334/2016/TT-BTC") do Bộ Tài chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lãi ("FVTPL") và tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") được đo lường và ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp giá trị hợp lý không có giá trị thị trường).

4.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

4.2.1. Ghi nhận vốn bằng tiền:

a. Tiền và các khoản tương đương tiền của CTCK: Bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo. Tiền gửi hoạt động của công ty tách biệt với tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư.

b. Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành: Tiền gửi của nhà đầu tư phục vụ cho hoạt động bảo lãnh phát hành.

c. Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán: Tiền gửi của nhà đầu tư phục vụ cho hoạt động giao dịch chứng khoán.

4.2.2. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Không có.

4.3. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài chính ghi nhận thông qua lãi/lãi, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán và nợ phải trả:

4.3.1. Nguyên tắc phân loại và phương pháp kế toán tài sản tài chính

4.3.1.1. Phân loại:

a. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lãi (FVTPL)

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lãi là các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh



Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực (EIR).

- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng, và được phân loại vào nhóm sản sàng để bán.

- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sản sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu, hoặc

Công ty xếp vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ;

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được

thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có

c. Các khoản cho vay

khả năng giảm trừ khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Chi phí phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đảo hạn, trừ đi các

theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực (EIR).

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, sau đó ghi nhận

thu.

- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải

- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sản sàng để bán (AFS);

vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đảo hạn không bao gồm:

- Công ty có ý định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đảo hạn.

- Ngày đảo hạn là cố định;

- Việc hoàn trả là cố định hay xác định được;

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đảo hạn là các tài sản tài chính không phải sinh mà:

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đảo hạn (HTM)

giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động.

Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá trị thị trường). Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi

kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo

lành tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

hoặc là 1 công cụ phái sinh (ngoại trừ các công cụ phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo quản lý và có bằng chứng về việc kinh doanh danh mục đó để nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu nó là một phần của 1 danh mục các công cụ tài chính cụ thể được

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc

Một tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:

doanh hoặc do Ban Tổng Giám đốc xác định từ ban đầu là được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CAO TẠI CHỖ (tiếp theo)



- Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do danh giá lãi tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

được phân loại vào nhóm này.

một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng giữ, theo đó:

b. Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng giữ

a. Phân loại lại khi ban tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Khi ban các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính có liên quan về tài sản tài chính FVTPL.

4.3.1.2. Phân loại lại

Lỗi suy giảm giá trị của tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trực tiếp (nếu có), khi có bằng chứng khách quan cho thấy tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS bị suy giảm giá trị thì lỗ lũy kế đã được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu sẽ được chuyển sang ghi nhận vào lãi/lỗ như là 1 bút toán điều chỉnh do phân loại lại mặc dù tài sản đó chưa bị dừng ghi nhận.

Các khoản lãi được tính theo phương pháp lãi suất thực sẽ được ghi nhận vào lãi/lỗ theo quy định của Chuẩn mực Kế toán về doanh thu.

Tại thời điểm dừng ghi nhận, các khoản lãi hoặc lỗ lũy kế trước đây đã được phân ảnh vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

Việc ghi nhận như vậy sẽ tiếp tục cho đến khi tài sản tài chính được dừng ghi nhận.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS khi danh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thông qua việc ghi nhận trên báo cáo biên động vốn chủ sở hữu, ngoài từ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Giá gốc.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) bao gồm các tài sản tài chính không phái sinh mà không được phân loại là FVTPL, HTM, khoản cho vay phải thu. Tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua bao gồm cả các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua các tài sản tài chính này. Tại ngày lập báo cáo tài chính, tài sản tài chính AFS được trình bày theo giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phân ảnh theo giá gốc.

e. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) bao gồm các tài sản tài chính không phái sinh mà không được phân loại là FVTPL, HTM, khoản cho vay phải thu. Tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua bao gồm cả các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua các tài sản tài chính này. Tại ngày lập báo cáo tài chính, tài sản tài chính AFS được trình bày theo giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phân ảnh theo giá gốc.

d. Các khoản phải thu

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc hoặc từ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp chính trị đi các khoản hoàn trả gốc hoặc từ các khoản phải thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và được phân ảnh theo giá gốc trừ đi dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3213
 CỘNG
 HỘ V
 CHỈN
 A KIE
 NAM
 TP.

Dự phòng các khoản cho vay: Được lập khi có sự suy giảm về giá trị có thể thu hồi của các khoản cho vay. Mức trích lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch của giá trị tài sản đảm bảo và giá

4.3.1.6. Dự phòng

Các chứng khoán không thuộc các nhóm nêu trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị số sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá lại.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi được định giá dựa trên số sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện đánh giá lại;

- Đối với chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) là giá giao dịch bình quân tại ngày có phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) là giá giao dịch bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại;

- Đối với chứng khoán niêm yết tại các Sở giao dịch chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại;

Công ty áp dụng các quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành để làm căn cứ xác định giá trị thị trường/gia trị hợp lý, cụ thể như sau:

4.3.1.5. Căn cứ xác định giá trị thị trường/gia trị hợp lý

Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính thông qua lãi/lô được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ kế toán trên báo cáo kết quả hoạt động. Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính khác được hạch toán vào giá mua của tài sản.

Tiền lãi của các kỳ trước khi các tài sản tài chính được mua được hạch toán giảm giá trị của chúng không.

Tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

4.3.1.4. Ghi nhận ban đầu

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phân ảnh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Công ty đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các tài sản tài chính đó. Công ty đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các tài sản tài chính đó. Công ty ký kết hợp đồng mua hoặc bán khoản các tài sản tài chính đã hết hạn hoặc về bản chất chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các tài sản tài chính đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty mua và bán các tài sản tài chính được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch (là tại ngày

4.3.1.3. Ghi nhận, chấm dứt ghi nhận

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

384
37
36
35
34
33
32
31
30
29
28
27
26
25
24
23
22
21
20
19
18
17
16
15
14
13
12
11
10
9
8
7
6
5
4
3
2
1
HỒ SƠ

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

trị ghi số của khoản cho vay tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Dự phòng các khoản phải thu: Được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tồn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Các khoản nợ phải thu qua hạn thanh toán được trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228/2009/TT-BTC") và các quy định hiện hành khác.

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) phát sinh trong kỳ kế toán được hạch toán tăng/(giảm) chi phí hoạt động trong báo cáo kết quả hoạt động.

4.3.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận nợ phải trả:

Nợ phải trả được xác định bao gồm: Nợ vay, nợ vay tài sản tài chính, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu phát hành, nợ thuê tài sản tài chính, phải trả người bán, các nợ phải trả khác phát sinh trong hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Nợ phải trả được ghi nhận khi Công ty phát sinh nghĩa vụ từ việc nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý khi ký kết hợp đồng giao dịch. Nợ phải trả được chấm dứt ghi nhận khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ phát sinh. Các khoản phải trả được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và thận trọng.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của báo cáo tình hình tài chính.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Danh mục	Năm nay	Năm trước
- Máy móc, thiết bị	05 năm	05 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm	06 năm
- Thiết bị văn phòng	05 năm	05 năm
- Phần mềm máy tính	05 năm	05 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	05 năm	05 năm

4.5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ và công cụ, dụng cụ không đáp ứng tiêu chuẩn để hạch toán là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được kết chuyển vào chi phí hoạt động theo phương pháp đường thẳng hoặc dựa trên thời hạn phân bổ.

4.6. Nguyên tắc và phương pháp kế toán thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

4.6.1. Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận theo số thực tế phải nộp theo báo cáo quyết toán thuế và số đã nộp trong kỳ.

4.6.2. Thuế Thu nhập cá nhân

Thuế Thu nhập cá nhân được ghi nhận tách biệt giữa thuế Thu nhập cá nhân của người lao động và thu hộ thuế TNCN của nhà đầu tư.

Lợi nhuận chưa phân phối phân ảnh kết quả hoạt động sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính. Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện từ các giao dịch đã phát sinh lũy kế đến ngày lập báo cáo tài chính.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá trị lại, lỗ danh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do danh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

4.8.3. Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá trị lại, lỗ danh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do danh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

4.8.2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014, Công ty phải trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho mỗi quý vào mỗi năm Công ty có lợi nhuận sau khi bù đắp lỗ các năm trước cho đến khi mỗi quý này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng bù đắp phần còn lại của những tồn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tồn thất và của tổ chức bảo hiểm.

4.8.1. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phân ảnh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán, cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của chính Công ty.

4.8. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu của CTCK:

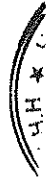
Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi vào chi phí của kỳ báo cáo.

4.7. Kế toán chi phí phải trả

4.6.3. Thuế, phí phải nộp khác: Ghi nhận theo thực tế phát sinh.

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, đối với nhà đầu tư tổ chức nước ngoài, Công ty có trách nhiệm giữ lại 0,1% số tiền giao dịch để nộp thuế thu nhập cho nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư cá nhân (kể cả cá nhân cư trú và cả nhân không cư trú), Công ty cần giữ lại 0,1% số tiền đầu tư cá nhân để nộp thuế thu nhập cho nhà đầu tư. Công ty sẽ kê khai và nộp thuế cho các nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư tổ chức trong nước, Công ty không giữ lại tiền thuế trên số tiền giao dịch mà chính các tổ chức trong nước này tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4.8.4. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận của CTCK:

Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện chưa phân phối sẽ được trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty sẽ được phân phối cho các chủ thể góp vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

4.9. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu CTCK:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định trong đối chiếu chấp nhận;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Các định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Các định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính và cổ tức. Lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính là khoản chênh lệch giữa giá bán chưa trừ phí bán và giá vốn của tài chính thanh lý, nhượng bán. Giá vốn này được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch đối với chứng khoán tự doanh và phương pháp thực tế dịch danh đối với trái phiếu.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức được xác lập, ngoài trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu đối và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu về vốn kinh doanh

Doanh thu về vốn kinh doanh bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi thu được từ các hợp đồng giao dịch kỳ quỹ, hoạt động tâm ứng vốn cho nhà đầu tư và thu nhập từ hợp đồng hối tố tài chính. Các khoản doanh thu này được ghi nhận theo phương pháp trích trước trừ khi tiền lãi không chấp nhận.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí:

Chi phí hoạt động được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Chi phí của Công ty được phân loại theo chức năng như sau: Chi phí hoạt động, Chi phí tài chính, chi phí quản lý và chi phí khác.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại:

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu



Rủi ro thanh khoản
 Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Rủi ro về giá khác
 Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro về giá khác
 Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc ngược lại phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro lãi suất
 Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản vay.

Rủi ro ngoại tệ
 Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro thị trường
 Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

4.12. Quản trị về rủi ro tài chính đối với CTCK

Thủ tục thu nhập hoàn lãi được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của báo cáo tình hình tài chính. Tài sản thuê thu nhập hoàn lãi được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thủ tục thu nhập hoàn lãi được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của báo cáo tình hình tài chính. Tài sản thuê thu nhập hoàn lãi được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của báo cáo tình hình tài chính.

Thủ tục thu nhập hoàn lãi được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

Thủ tục thu nhập hoàn lãi được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

nhập chịu thuế theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoàn lãi được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2131
 CÔNG
 TÀI
 B V
 H
 K
 NAM
 TP.

BẢN THUYẾT MINH BẢO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4.14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.
 Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. Thông tin bổ sung cho các Báo cáo tài chính

A. Thuyết minh về Báo cáo tình hình tài chính

A.5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	VND	01/01/2018	VND
Tiền mặt tại Quý	8.855.831	8.152.822	7.400.591.620	8.152.822
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	1.744.744.210	1.744.744.210	129.677.302.808	1.744.744.210
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn gốc đến 03 tháng)	129.677.302.808	94.544.583.333	94.544.583.333	129.677.302.808
Cộng	131.430.902.849	101.953.327.775	131.430.902.849	101.953.327.775

A.5.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Giá trị giao dịch VND	Khối lượng giao dịch
a) Của công ty chứng khoán	632.969.306.474	9.503.390
- Cổ phiếu	598.785.360.000	3.400
- Trái phiếu (*)	34.183.946.474	-
- Chứng khoán khác	-	-
b) Của nhà đầu tư	-	-
- Cổ phiếu	-	-
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
Cộng	632.969.306.474	632.969.306.474

(*) Trái phiếu giao dịch trong năm là Trái phiếu Thương Thanh 2018 với mệnh giá là 10.000.000 đồng/trái phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

A.5.3. Các loại tài sản tài chính

A.5.3.1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Tài sản FVTPL	31/12/2018		01/01/2018	
	Gia gốc	Gia trị hợp lý	Gia gốc	Gia trị hợp lý
Cổ phiếu	2.312.500.000	2.270.500.000	10.577.177.000	11.797.298.500
- HPG	-	-	10.577.177.000	11.797.298.500
- STB	2.312.500.000	2.270.500.000	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.131.930.000	3.549.180.000	-	-
- MPC	4.131.930.000	3.549.180.000	-	-
Cộng	6.444.430.000	5.819.680.000	10.577.177.000	11.797.298.500

Đơn vị tính: VND

A.5.3.2. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản AFS	31/12/2018		01/01/2018	
	Gia gốc	Gia trị hợp lý	Gia gốc	Gia trị hợp lý
a) Ngắn hạn	32.500.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	32.500.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000
- Cotec	32.500.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000
b) Dài hạn	66.810.476.474	74.903.946.474	32.626.530.000	51.280.000.000
Cổ phiếu niêm yết	29.746.530.000	37.840.000.000	29.746.530.000	48.400.000.000
- POT	29.746.530.000	37.840.000.000	29.746.530.000	48.400.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	2.880.000.000	2.880.000.000	2.880.000.000	2.880.000.000
- Công ty CP Công nghiệp Cao su Coecco	2.880.000.000	2.880.000.000	2.880.000.000	2.880.000.000
Trái phiếu	34.183.946.474	34.183.946.474	-	-
- Trái phiếu Thương Thanh 2018	34.183.946.474	34.183.946.474	-	-
Cộng	99.310.476.474	107.403.946.474	65.126.530.000	83.780.000.000

Đơn vị tính: VND

(*) Ghi chú: Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết không xác định được, giá trị hợp lý được trình bày theo giá trị ghi sổ kế toán do không có dữ liệu cơ sở đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN LIÊN VIỆT
Lầu 2, Tòa nhà Him Lam, Số 234 Ngõ Tắt Tỏ,
Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

A.5.3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng

Cộng

31/12/2018	VND	22.302.657.315
01/01/2018	VND	36.634.416.666
		<u>22.302.657.315</u>
		<u>36.634.416.666</u>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

A.5.3.4. Bảng tình hình biến động giá trị thị trường hoặc giá trị Tài sản tài chính

Stt	Các loại tài sản tài chính	31/12/2018 (VND)					01/01/2018 (VND)						
		A	B	1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)
I.	FVTPL	6.444.430.000	5.819.680.000	-	624.750.000	5.819.680.000	10.577.177.000	11.797.298.500	1.220.121.500	-	11.797.298.500	-	11.797.298.500
	Cổ phiếu niêm yết	2.312.500.000	2.270.500.000	-	42.000.000	2.270.500.000	10.577.177.000	11.797.298.500	1.220.121.500	-	11.797.298.500	-	11.797.298.500
	- HPG	-	-	-	-	-	10.577.177.000	11.797.298.500	1.220.121.500	-	11.797.298.500	-	11.797.298.500
	- STB	2.312.500.000	2.270.500.000	-	42.000.000	2.270.500.000	-	-	-	-	-	-	-
	Cổ phiếu chưa niêm yết	4.131.930.000	3.549.180.000	-	582.750.000	3.549.180.000	-	-	-	-	-	-	-
	- MPC	4.131.930.000	3.549.180.000	-	582.750.000	3.549.180.000	-	-	-	-	-	-	-
II.	HTM	22.302.657.315	22.302.657.315	-	-	22.302.657.315	36.634.416.666	36.634.416.666	-	-	36.634.416.666	-	36.634.416.666
	Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng	22.302.657.315	22.302.657.315	-	-	22.302.657.315	36.634.416.666	36.634.416.666	-	-	36.634.416.666	-	36.634.416.666
III.	Các khoản cho vay và phải thu	5.723.394.612	5.723.394.612	-	-	5.723.394.612	44.753.731.263	44.753.731.263	-	-	44.753.731.263	-	44.753.731.263
1.	Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	-	-	-	-	-	39.032.100.000	39.032.100.000	-	-	39.032.100.000	-	39.032.100.000
2.	Các khoản phải thu	5.723.394.612	5.723.394.612	-	-	5.723.394.612	5.721.631.263	5.721.631.263	-	-	5.721.631.263	-	5.721.631.263
	Khoản dự thu lãi	3.944.819.444	3.944.819.444	-	-	3.944.819.444	3.944.819.444	3.944.819.444	-	-	3.944.819.444	-	3.944.819.444



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các loại tài sản tài chính	31/12/2018 (VND)					01/01/2018 (VND)					
	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị cuối năm	Giá trị đánh giá lại	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị đầu năm	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại
A	B	1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)
<i>repo - hợp đồng Cotec</i>											
<i>Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn cố định</i>	1.025.451.880	1.025.451.880	-	-	-	1.025.451.880	1.776.811.819	1.776.811.819	-	-	1.776.811.819
<i>Dự thu lãi đầu tư trái phiếu</i>	753.123.288	753.123.288	-	-	-	753.123.288	-	-	-	-	-
IV. AFS	99.310.476.474	107.403.946.474	8.093.470.000	-	107.403.946.474	65.126.530.000	83.780.000.000	18.653.470.000	-	-	83.780.000.000
a) Ngắn hạn	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	32.500.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	-	32.500.000.000
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	32.500.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	-	32.500.000.000
- Cotec	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	32.500.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	-	32.500.000.000
b) Dài hạn	66.810.476.474	74.903.946.474	8.093.470.000	-	74.903.946.474	32.626.530.000	51.280.000.000	18.653.470.000	-	-	51.280.000.000
Cổ phiếu niêm yết	29.746.530.000	37.840.000.000	8.093.470.000	-	37.840.000.000	29.746.530.000	48.400.000.000	18.653.470.000	-	-	48.400.000.000
- POJ	29.746.530.000	37.840.000.000	8.093.470.000	-	37.840.000.000	29.746.530.000	48.400.000.000	18.653.470.000	-	-	48.400.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	2.880.000.000	2.880.000.000	-	-	2.880.000.000	2.880.000.000	2.880.000.000	-	-	-	2.880.000.000
- Công ty CP Công nghiệp Cao su Coeeco	2.880.000.000	2.880.000.000	-	-	2.880.000.000	2.880.000.000	2.880.000.000	-	-	-	2.880.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Stt	Các loại tài sản tài chính	31/12/2018 (VND)					01/01/2018 (VND)				
		Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị cuối năm	Giá trị đánh giá lại	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị đầu năm	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
A	B	1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)
	Trái phiếu	34.183.946.474	34.183.946.474	-	-	34.183.946.474	-	-	-	-	-
	- Trái phiếu Thương	34.183.946.474	34.183.946.474	-	-	34.183.946.474	-	-	-	-	-
	Thanh 2018										
	Cộng	133.780.958.401	141.249.678.401	8.093.470.000	624.750.000	141.249.678.401	157.091.854.929	176.965.446.429	19.873.591.500	-	176.965.446.429

(*) Ghi chú: Không thể xác định giá trị đánh giá lại của chứng khoán chưa niêm yết này, giá trị đánh giá lại được trình bày theo giá trị ghi sổ kế toán do không có đủ cơ sở đáng tin cậy để xác định giá trị đánh giá lại.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

A.5.4. Các khoản phải thu

A.5.4.1. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp

31/12/2018	VND	01/01/2018	VND
92.225.000	315.000.000	92.225.000	315.000.000
-	7.111.280	-	7.111.280
407.225.000		414.336.280	

Công ty Cổ phần Phương Gia Phú
 Công ty Cổ phần Tân Hoàng Thăng
 Phải thu khách hàng khác

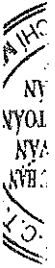
Cộng

A.5.4.2. Phải thu khác

31/12/2018	VND	01/01/2018	VND
6.593.671.401	6.713.671.401	6.593.671.401	6.713.671.401
10.000.000	11.329.388	10.000.000	11.329.388
6.603.671.401		6.725.000.789	

Các khoản phải thu cầm cố, hợp tác đầu tư cổ phiếu
 TBX
 Phải thu khác

Cộng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

A.5.5. Dự phòng phải thu khó đòi

Đơn vị tính: VND

Stt	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Năm nay			
			Số đầu năm (01/01/2018)	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm (31/12/2018)
1.	Dự phòng khó đòi phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn <i>Dự thu lãi Repo cổ phiếu Cotec</i>	3.944.819.444	3.944.819.444	-	-	3.944.819.444
2.	Dự phòng khó đòi phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp <i>Công ty Cổ phần Phương Gia Phú</i> <i>Công ty Cổ phần Tân Hoàng Thăng</i>	407.225.000	407.225.000	-	-	407.225.000
			315.000.000	-	-	315.000.000
			92.225.000	-	-	92.225.000
3.	Dự phòng nợ phải thu khác, tạm ứng khó đòi <i>Các khoản phải thu cầm cố, hợp tác đầu tư cổ phiếu TBX</i>	6.593.671.401	4.829.611.401	-	329.340.000	4.500.271.401
			6.593.671.401	4.829.611.401	329.340.000	4.500.271.401
4.	Tạm ứng <i>Nguyễn Ngọc Huy</i>	1.987.476.676	1.987.476.676	-	-	1.987.476.676
			1.987.476.676	-	-	1.987.476.676
Cộng		12.933.192.521	11.169.132.521	-	329.340.000	10.839.792.521

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

A.5.6. Chi phí trả trước

a) Ngân hàng
 Chi phí thuê VP Hà Nội
 Công cụ dụng cụ chờ phân bổ
 Chi phí trả trước, chờ phân bổ khác

b) Đại hàn
 Chi phí sửa chữa văn phòng
 Chi phí chờ phân bổ khác

Cộng

31/12/2018	VND	174.313.495	295.509.368
31/12/2018	VND	133.553.736	124.526.082
31/12/2018	VND	30.430.006	54.496.725
31/12/2018	VND	10.329.753	116.486.561
31/12/2018	VND	20.377.633	28.819.976
31/12/2018	VND	872.246	2.035.250
31/12/2018	VND	19.505.387	26.784.726
31/12/2018	VND	194.691.128	324.329.344

A.5.7. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp ban đầu
 Tiền nộp bổ sung
 Tiền lại phân bổ

Cộng

31/12/2018	VND	298.643.023	298.643.023
31/12/2018	VND	-	-
31/12/2018	VND	130.295.069	130.311.569
31/12/2018	VND	428.938.092	428.954.592



BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

A.5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	Số dư đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số dư cuối năm	Giá trị đã hao mòn	Số dư đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số dư cuối năm	Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình	Tại ngày đầu năm	Tại ngày cuối năm
	1.435.417.000	978.350.000	-	1.435.417.000	1.435.417.000	701.133.721	3.775.493.090	5.912.043.811	163.068.402	1.435.417.000	277.216.279	114.147.877
<i>định hữu hình</i>	978.350.000	-	-	978.350.000	701.133.721	3.775.493.090	5.912.043.811	163.068.402	1.435.417.000	114.147.877	277.216.279	114.147.877
<i>định hữu hình</i>	978.350.000	-	-	978.350.000	701.133.721	3.775.493.090	5.912.043.811	163.068.402	1.435.417.000	114.147.877	277.216.279	114.147.877

Máy móc, thiết bị
 Phương tiện vận tải
 Thiết bị dụng cụ quản lý
 Công

A.5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Nguyên giá	Số dư đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số dư cuối năm	Giá trị hao mòn lũy kế	Số dư đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số dư cuối năm	Giá trị còn lại	Tại ngày đầu năm	Tại ngày cuối năm
	13.793.628.254	313.000.000	-	14.106.628.254	13.793.628.254	13.793.628.254	37.505.556	-	13.831.133.810	275.494.444	13.831.133.810	275.494.444
<i>Nguyên giá</i>	13.793.628.254	313.000.000	-	14.106.628.254	13.793.628.254	13.793.628.254	37.505.556	-	13.831.133.810	275.494.444	13.831.133.810	275.494.444
<i>Nguyên giá</i>	13.793.628.254	313.000.000	-	14.106.628.254	13.793.628.254	13.793.628.254	37.505.556	-	13.831.133.810	275.494.444	13.831.133.810	275.494.444

Phần mềm
 TSCĐ vô hình khác
 Công

Nguyên giá Tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 15.069.690.564 đồng.
 Nguyên giá Tài sản cố định vô hình cuối năm dùng đảm bảo cho các khoản vay là 0 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CAO TẠI CHỖ (tiếp theo)

A.5.10. Chi phí phải trả

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí hoạt động	199.774.650	222.623.971
Chi phí hoa hồng môi giới	53.500.000	53.500.000
Cộng	253.274.650	276.123.971

A.5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2018	01/01/2018
Thuế giá trị gia tăng	42.145.314	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.491.858.520	1.386.165.852
Thuế thu nhập cá nhân	35.631.427	76.043.284
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	18.004.804	-
Cộng	1.587.640.065	1.462.209.136

A.5.12. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2018	01/01/2018
a) Ngân hàng	693.570.788	395.833.334
Phí quản lý cổ đông và quản lý trái phiếu	693.570.788	395.833.334
b) Dài hạn	-	-
Cộng	693.570.788	395.833.334

A.5.13. Phải trả, phải nộp khác

	31/12/2018	01/01/2018
a) Ngân hàng	2.499.014.544	2.423.996.470
Kinh phí công đoàn	7.140.000	-
Bảo hiểm phải trả, phải nộp	70.474.625	3.186.700
Phải trả tiền tạm thu vụ kiện Ông Hoàng Xuân Quyền	2.336.000.000	2.336.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	85.399.919	84.809.770
b) Dài hạn	-	-
Cộng	2.499.014.544	2.423.996.470

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

A.5.14. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Đơn vị tính: VND					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	250.000.000.000	-	39.210.563	78.421.126	(13.966.499.281)	236.151.132.408
Lãi trong năm trước					14.148.413.376	14.148.413.376
Chênh lệch đánh giá lại tài sản AFS		18.653.470.000			-	18.653.470.000
Số dư cuối năm trước	250.000.000.000	18.653.470.000	39.210.563	78.421.126	181.914.095	268.953.015.784
Số dư đầu năm nay	250.000.000.000	18.653.470.000	39.210.563	78.421.126	181.914.095	268.953.015.784
Lãi trong năm nay					6.544.372.301	6.544.372.301
Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ			327.218.615		(327.218.615)	-
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ				327.218.615	(327.218.615)	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản AFS		(10.560.000.000)			-	(10.560.000.000)
Số dư cuối năm nay	250.000.000.000	8.093.470.000	366.429.178	405.639.741	6.071.849.166	264.937.388.085

BẢN THUYẾT MINH BẢO CAO TẠI CHÍNH (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2018		01/01/2018	
	VND	%	VND	%
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	223.750.000.000	89,50	223.750.000.000	89,50
	13.750.000.000	5,50	13.750.000.000	5,50
	12.500.000.000	5,00	12.500.000.000	5,00
	250.000.000.000	100	250.000.000.000	100
	Cộng	250.000.000.000	100	250.000.000.000
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu	Năm nay		Năm trước	
	VND		VND	
	250.000.000.000		250.000.000.000	
	-		-	
	250.000.000.000		250.000.000.000	
d) Cổ phiếu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
	Vốn góp đầu năm		Vốn góp đầu năm	
	Vốn góp tăng trong năm		Vốn góp tăng trong năm	
	Vốn góp giảm trong năm		Vốn góp giảm trong năm	
	Vốn góp cuối năm		Vốn góp cuối năm	
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông		- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu mua lại		Số lượng cổ phiếu mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông		- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		- Cổ phiếu ưu đãi		



A.5.15. Tài sản tài chính niêm yết/dăng ký giao dịch tại VSD của CTCK
 Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

Đơn vị tính: VND

Cộng	31/12/2018		01/01/2018	
	Số lượng	Mệnh giá	Số lượng	Mệnh giá
Cổ phiếu HPG	-	-	251.810	2.518.100.000
Cổ phiếu STB	190.000	1.900.000.000	-	-
Cổ phiếu MPC	89.400	894.000.000	-	-
Cộng	279.400	2.794.000.000	251.810	2.518.100.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

A.5.16. Tài sản tài chính chưa lưu kỳ tại VSD của CTCK

31/12/2018		01/01/2018	
Số lượng	Mệnh giá	Số lượng	Mệnh giá
Đơn vị tính: VND			
Cộng			
3.000.000	30.000.000.000	3.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng (Cotec Group)			
2.200.000	22.000.000.000	2.200.000	22.000.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện (POT)			
288.000	2.880.000.000	288.000	2.880.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Coecco			
3.400	34.000.000.000	-	-
Trái phiếu Thurgang Thanh 2018			
5.491.400	88.880.000.000	5.488.000	54.880.000.000

A.5.17. Tiền gửi của Nhà đầu tư

31/12/2018		01/01/2018	
Số lượng	Mệnh giá	Số lượng	Mệnh giá
Đơn vị tính: VND			
Cộng			
581.372.545	581.372.545	539.835.001	539.835.001
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý			
581.372.545	581.372.545	539.835.001	539.835.001
1.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý			
-	-	-	-
1.2. Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý			
-	-	-	-
2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng			
-	-	-	-
3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư			
-	-	-	-
3.1. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước			
-	-	-	-
3.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài			
539.835.001	539.835.001	539.835.001	539.835.001



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

A.5.18. Tiền gửi của Tò chức phát hành

31/12/2018		01/01/2018	
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh đại, đại lý phát hành	-	-	-
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tò chức phát hành	11.426.260	286.958.370	286.958.370
Cộng	11.426.260	286.958.370	286.958.370

A.5.19. Phải trả Nhà đầu tư

31/12/2018		01/01/2018	
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	581.372.545	539.835.001	539.835.001
1.1. Cửa Nhà đầu tư trong nước	581.372.545	539.835.001	539.835.001
1.2. Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	-	-	-
2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	-	-	-
1.1. Cửa Nhà đầu tư trong nước	-	-	-
1.2. Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	-	-	-
3. Phải trả khác của Nhà đầu tư	11.426.260	286.958.370	286.958.370
3.1. Cửa Nhà đầu tư trong nước	11.426.260	286.958.370	286.958.370
- Phải trả tiền gửi lòng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	-	-	-
- Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	11.426.260	286.958.370	286.958.370
3.2. Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	-	-	-
Cộng	592.798.805	826.793.371	826.793.371

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B. Thuyết minh về Báo cáo kết quả hoạt động

B.5.1.1. Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, (lỗ) bán chứng khoán năm nay		Lãi, (lỗ) bán chứng khoán năm trước
						5=(3-4)	6	
A	B	1	2	3=(1*2)	4	5=(3-4)	6	
I.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	2.841.820		171.209.485.500	153.622.563.040	17.586.922.460	11.572.453.100	
1.	Cổ phiếu niêm yết	2.130.820		136.846.555.500	124.439.763.040	12.406.792.460	11.572.453.100	
2.	Cổ phiếu chưa niêm yết	711.000		34.362.930.000	29.182.800.000	5.180.130.000	-	
3.	Trái phiếu niêm yết	-		-	-	-	-	
II.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	1.896.080		131.140.088.500	146.945.969.960	(15.805.881.460)	(10.166.475.600)	
1.	Cổ phiếu niêm yết	1.896.080		131.140.088.500	146.945.969.960	(15.805.881.460)	(791.475.600)	
2.	Cổ phiếu chưa niêm yết	-		-	-	-	(9.375.000.000)	
3.	Trái phiếu niêm yết	-		-	-	-	-	
	Cộng	4.737.900		302.349.574.000	300.568.533.000	1.781.041.000	1.405.977.500	

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B.5.1.2. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM, AFS

Các loại doanh thu hoạt động khác	
Năm nay	Năm trước
388,500,000	388,500,000
-	-
388,500,000	388,500,000
-	-
8,159,310,734	8,159,310,734
8,159,310,734	8,159,310,734
660,000,000	660,000,000
660,000,000	660,000,000
2,200,000,000	2,200,000,000
518,383,562	518,383,562
9,843,442,733	8,819,310,734

B.5.1.3. Doanh thu ngoại thu nhập các tài sản tài chính

Các loại doanh thu hoạt động khác	
Năm nay	Năm trước
3,059,825,806	2,753,541,669
287,110,000	659,610,884
3,346,935,806	3,413,152,553

B.5.2. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính	
Năm nay	Năm trước
587,364,976	96,928,316
-	-
587,364,976	96,928,316

B.5.3. Chi phí quản lý CTCK

Loại chi phí quản lý CTCK	
Năm nay	Năm trước
4,982,885,365	3,287,169,256
125,690,450	356,712,717
200,573,958	175,164,131
4,568,000	9,423,000
(329,340,000)	89,340,000
1,786,806,821	1,709,948,993
907,961,760	267,014,371
7,679,146,354	5,894,772,468

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B.5.4. Thu nhập khác

Chi tiết thu nhập khác		Thu từ phát hành đồng		Thu nhập khác	
Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
127.887.000	127.887.000	-	2.785.194.444	127.887.000	760.623.445
127.887.000	127.887.000		3.545.817.889		

B.5.5. Chi phí khác

Chi tiết chi phí khác		Chi phí khác		Cộng	
Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
139.777.033	139.777.033	-	-	139.777.033	-
139.777.033	139.777.033				

B.5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày như sau:

Năm nay		Năm trước	
VND	VND	VND	VND
7.963.407.690	15.534.579.228	7.963.407.690	15.534.579.228
(1.888.911.229)	(8.967.865.623)	(1.888.911.229)	(8.967.865.623)
699.588.771	-	699.588.771	-
74.838.771	-	74.838.771	-
624.750.000	-	624.750.000	-
-	-	-	-
-	-	-	-
-	-	-	-
-	-	-	-
2.588.500.000	8.967.865.623	2.588.500.000	8.967.865.623
2.588.500.000	660.000.000	2.588.500.000	660.000.000
-	8.307.865.623	-	8.307.865.623
6.074.496.461	6.566.713.605	6.074.496.461	6.566.713.605
20%	20%	20%	20%
204.136.097	72.823.131	204.136.097	72.823.131
1.419.035.389	1.386.165.852	1.419.035.389	1.386.165.852

BÀN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B.5.7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu, thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.544.372.301	14.148.413.376
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phần bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phần bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.544.372.301	14.148.413.376
Có phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	25.000.000	25.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	262	566
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu	262	566

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng pha loãng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

C. Những thông tin khác

C.5.1. Thông tin về các bên liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.883.639.296	1.912.774.000

Trong năm 2018, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan khác. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)	
			Năm nay	Năm trước
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Cổ đông góp vốn	Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.480.134.779	6.607.716.814
		Thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.712.107.684	5.587.749.866
		Phí quản lý cổ đông	2.725.000.000	3.000.000.000
		Tư vấn tài chính	179.166.667	520.833.333

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghịp vụ	Phải thu/(phải trả) (VND)	31/12/2018	01/01/2018
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Cổ đông góp vốn	Tiền gửi có kỳ hàn	149.379.960.123	165.290.000.000	
		Lãi dự thu	1.019.966.948	1.768.027.097	
		Ưng trước dịch vụ tư vấn	(550.000.000)	(77.916.666)	
		Ưng trước phí quản lý cổ đồng	(375.000.000)	(375.000.000)	
Nguyễn Thị Bích Hồng	Chủ tịch HĐQT	Lương chưa chi	(201.000.000)	(220.000.000)	
Huỳnh Văn Phát	Tổng Giám đốc	Lương chưa chi	(121.000.000)	(132.000.000)	

C.5.2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

C.5.2.1. Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

C.5.2.2. Lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là từ doanh chứng khoán nên không trình bày báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

C.5.3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND		Giá trị sổ sách	
Đầu năm		Cuối năm	
Dự phòng	31/12/2018	Dự phòng	01/01/2018
-	131.430.902.849	-	101.953.327.775
-	5.819.680.000	-	10.577.177.000
-	131.430.902.849	-	101.953.327.775
-	5.819.680.000	-	10.577.177.000
-	5.723.394.612	3.944.819.444	44.753.731.263
-	154.000.000	-	146.250.000
-	407.225.000	407.225.000	414.336.280
-	6.603.671.401	4.500.271.401	6.725.000.789
-	1.987.476.676	1.987.476.676	1.987.476.676
-	74.903.946.474	-	51.280.000.000
-	281.832.954.327	10.839.792.521	286.971.716.449
-	11.169.132.521	11.169.132.521	11.169.132.521

Đơn vị tính: VND		Giá trị sổ sách	
Đầu năm		Cuối năm	
Dự phòng	31/12/2018	Dự phòng	01/01/2018
-	1.531.936	-	1.531.936
-	1.203.000.000	-	2.580.961.069
-	1.587.640.065	-	1.462.209.136
-	253.274.650	-	276.123.971
-	395.833.334	-	395.833.334
-	2.499.014.544	-	2.423.996.470
-	6.238.031.983	-	6.238.031.983
-	7.140.655.916	-	7.140.655.916

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính và thuyết minh thông tin Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn trong đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Cụ thể, ông Hoàng Xuân Quyền đã ký 3 hợp đồng hợp tác kinh doanh có phần số HTKĐ2501-01/LV-S-KH (ngày 25/01/2011), HTKĐ1502-01/LV-S-KH (ngày 15/02/2011), HTKĐ1502-02/LV-S-KH (ngày 15/02/2011) với lần lượt bà Trần Thị Huệ Chi, ông Nguyễn Đức Hoàn, ông Bùi Hoàng Giang để mua 3.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật liệu Xây dựng (Cotec Group). Tổng số tiền đầu tư là 32.500.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo Điều lệ Công ty và các ủy quyền liên quan, ông Hoàng Xuân Quyền chỉ được ký kết các hợp đồng này tại sân của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt".

Ngày 01/06/2012, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội đã có thông báo số 853/Về việc "Khởi tố và tạm giam bị can" đối với ông Hoàng Xuân Quyền - Nguyễn Tông Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt về hành vi "tự ý ký 2 hợp đồng huy động vốn với Ngân hàng TMCP Tiên Phong và 3 hợp đồng hợp tác đầu tư (repo) có phiếu của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng (Cotec Group) không dùng tham quyền, làm trái quy định và điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt gây thiệt hại đặc biệt lớn đến tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt".

C.5.6. Thông tin khác

Trong năm 2018 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

C.5.5. Thông tin về hoạt động liên tục

12.1. Lãi(Lỗ) từ danh giá lãi các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	400	-	18.653.470.000	18.653.470.000
Tổng thu nhập toàn diện	400	-	18.653.470.000	18.653.470.000

Chỉ tiêu trên Báo cáo thu nhập toàn diện	Mã số	Năm 2017 (Trước trình bày)	Năm 2017 (Sau trình bày)	Chênh lệch (tăng/(giảm))
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU				
I. Vốn chủ sở hữu theo giá trị hợp lý	410	250.299.545.784	268.953.015.784	18.653.470.000
2. Chênh lệch danh giá tài sản	412	-	18.653.470.000	18.653.470.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU TỔNG CỘNG NỢ VÀ	440	258.413.641.897	277.067.111.897	18.653.470.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN				
I. Tài sản tài chính dài hạn	210	32.626.530.000	51.280.000.000	18.653.470.000
2.4. Đầu tư dài hạn khác	212.4	32.626.530.000	51.280.000.000	18.653.470.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN TỔNG CỘNG TẠI SÀN	270	258.413.641.897	277.067.111.897	18.653.470.000

Chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính	Mã số	31/12/2017 (Trước trình bày)	31/12/2017 (Sau trình bày)	Chênh lệch (tăng/(giảm))
---	-------	------------------------------	----------------------------	--------------------------

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh (CPA HANOI). Số liệu này đã được trình bày bổ sung để phù hợp với số liệu so sánh năm nay như sau:

C.5.4. Số liệu so sánh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Ngày 10 tháng 11 năm 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hà Nội gửi Công văn số 7208/PC46-D9 đề nghị cung cấp tài liệu và thông tin liên quan vụ án Hoàng Xuân Quyên. Công ty đã có công văn số 159/2017/LVS ngày 15 tháng 12 năm 2017 phúc đáp và cung cấp các tài liệu liên quan theo yêu cầu của cơ quan Cảnh sát điều tra.

Ngày 03 tháng 10 năm 2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án và đã ra bản án số 573/2016/HSP.T với nội dung: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 69/2015/HSST ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Ngày 12 tháng 02 năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án và đã ra Bản án số 69/2015/HSST cùng ngày với nội dung như sau: buộc ông Hoàng Xuân Quyên bồi thường số tiền 4.992.094.591 đồng cho Công ty (đây là phần thiệt hại vật chất được tính bằng tổng tiền lãi phải trả cho khoản tiền Công ty vay để thực hiện 3 hợp đồng nêu trên), được trừ 2.336.000.000 đồng đã nộp khác phục, và buộc ông Nguyễn Hoàng Bách (người liên đới trong vụ án) chuyển trả cho Công ty số tiền 2.499.450.000 đồng. Số tiền 32.500.000.000 đồng Công ty đã bỏ ra để mua 3.000.000 cổ phiếu Cotec Group xem như là khoản đầu tư gốc của Công ty. Công ty đã làm đơn kháng cáo số 18/2015/CV-LVS ngày 24 tháng 02 năm 2015 gửi tòa án nhân dân thành phố Hà Nội kháng cáo về giá trị bồi thường của ông Quyên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án và đã ra Bản án số 69/2015/HSST cùng ngày với nội dung như sau: buộc ông Hoàng Xuân Quyên bồi thường số tiền 4.992.094.591 đồng cho Công ty (đây là phần thiệt hại vật chất được tính bằng tổng tiền lãi phải trả cho khoản tiền Công ty vay để thực hiện 3 hợp đồng nêu trên), được trừ 2.336.000.000 đồng đã nộp khác phục, và buộc ông Nguyễn Hoàng Bách (người liên đới trong vụ án) chuyển trả cho Công ty số tiền 2.499.450.000 đồng. Số tiền 32.500.000.000 đồng Công ty đã bỏ ra để mua 3.000.000 cổ phiếu Cotec Group xem như là khoản đầu tư gốc của Công ty. Công ty đã làm đơn kháng cáo số 18/2015/CV-LVS ngày 24 tháng 02 năm 2015 gửi tòa án nhân dân thành phố Hà Nội kháng cáo về giá trị bồi thường của ông Quyên.

Và tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, chưa phát sinh thêm phiên bản đầu giá kế tiếp. Nhân Văn, phiên bản đầu giá tài sản ngày 10 tháng 09 năm 2014 không thành công (phiên thứ 9). nêu trên để thu hồi tài sản và ước tính thiệt hại. Theo thông báo của Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển của các cơ quan chức năng, Công ty đã tiến hành bán đầu giá khoản đầu tư cổ phiếu ghi nhận các ảnh hưởng về tài chính liên quan đến khoản đầu tư này vào báo cáo tài chính. Được đang ghi nhận đây là khoản đầu tư ngắn hạn trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty và chưa trong khi thi hành công vụ" (qui định tại khoản 3 Điều 282 Bộ luật hình sự). Hiện Công ty vẫn truy tố ông Hoàng Xuân Quyên ra trước Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về "Tội làm quyền thành phố Hà Nội đã có cáo trạng số 151/CT-VKS-P1B ngày 14 tháng 03 năm 2014 quyết định vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị truy tố. Viện kiểm sát nhân dân việc đã được cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Nội kết thúc điều tra, chuyển hồ sơ xử lý các quyền và nghĩa vụ giữa các bên có thể sẽ thay đổi. Đến thời điểm lập báo cáo này, sự Tuy nhiên, do hợp đồng được ký kết vượt thẩm quyền nên có thể hợp đồng sẽ vô hiệu, khi đó việc - Sau khi trả đủ tiền, Công ty sẽ trả lại 3.000.000 cổ phiếu Cotec Group cho các bên nêu trên.

38.822.381.944 đồng; số tiền 2.336.000.000 đồng để tạm thời khác phục hậu quả. Số tiền còn phải nộp là nhân vào báo cáo tài chính). Đến thời điểm này, các bên nêu trên đã tự nguyện nộp vào Công ty gốc và 8.158.381.944 đồng tiền lãi ước tính sử dụng vốn không hiệu quả (lãi ước tính chưa ghi trong phải trả cho Công ty tổng số tiền 40.658.381.944 đồng, bao gồm 32.500.000.000 đồng tiền Quang Minh, ông Nguyễn Đức Hoàn) do đã vi phạm thẩm quyền, dẫn đến gây hậu quả nghiêm trọng phải trả cho Công ty tổng số tiền 40.658.381.944 đồng, bao gồm 32.500.000.000 đồng tiền

- Công ty yêu cầu ông Hoàng Xuân Quyên và các bên có liên quan (ông Trần Tự Thành, ông Đỗ Quang Minh, ông Nguyễn Đức Hoàn) do đã vi phạm thẩm quyền, dẫn đến gây hậu quả nghiêm trọng phải trả cho Công ty tổng số tiền 40.658.381.944 đồng, bao gồm 32.500.000.000 đồng tiền gốc và 8.158.381.944 đồng tiền lãi ước tính sử dụng vốn không hiệu quả (lãi ước tính chưa ghi nhân vào báo cáo tài chính). Đến thời điểm này, các bên nêu trên đã tự nguyện nộp vào Công ty số tiền 2.336.000.000 đồng để tạm thời khác phục hậu quả. Số tiền còn phải nộp là 38.822.381.944 đồng;

Biên bản làm việc giữa Công ty và Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ thuộc công an thành phố Hà Nội ngày 15/05/2012 với nội dung như sau:

Công ty.
khi Hội đồng Quản trị thông qua. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị cũng cho rằng trong điều khoản của hợp đồng có sự sửa chữa so với các loại hợp đồng cùng loại của Công ty, gây bất lợi cho Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

Lầu 2, Tòa nhà Him Lam, Số 234 Ngõ Tất Tố,

Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Ngày 29 tháng 12 năm 2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hà Nội đã ra thông báo số 253/PC46(D9) về việc kết luận điều tra vụ án và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Viện kiểm soát nhân dân thành phố Hà Nội để nghị truy tố bị can Hoàng Xuân Quyền về tội: Sử dụng trái phép tài sản, theo điều 142 Bộ Luật Hình Sự.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 vụ án vẫn chưa được xét xử lại.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trần Hùng Nam

Trần Lan Hương

Tp. HCM, ngày 07 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Thị Bích Hồng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

